FireAnt

CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam (HSX: BAF)

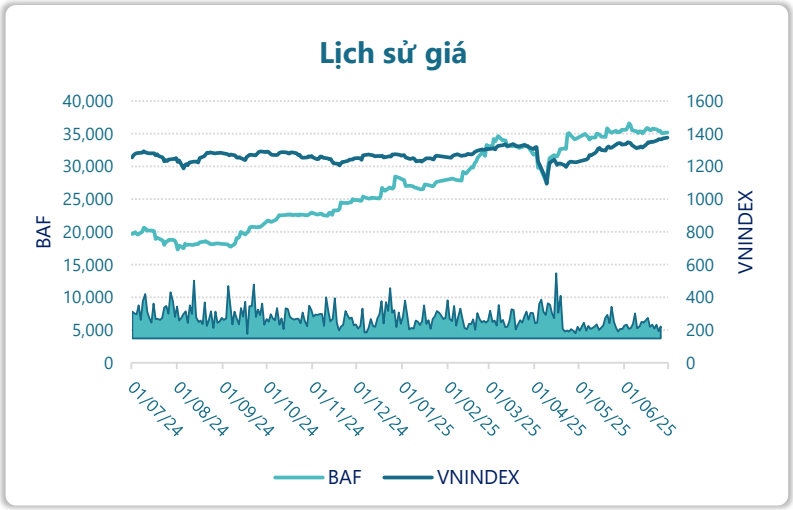

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,300
SL cổ phiếu LH	304,021,642
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,658,180
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10,702
P/E	20.9
EPS	1,681

DT thuần

Q2/25

1,387

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 263| 23.4%

YoY: ▲ 66.0| 5.0%

LN sau thuế

Q2/25

209

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 75.0| 56.2%

YoY: ▲ 173| 481%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

19.4%

+/- YoY: ▲ 10.4%

DT thuần

6T 2025

2,510

tỷ VNĐ

YoY: ▼103| -3.9%

LN sau thuế

6T 2025

343

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 188| 122%

ROE

Q2/25

16.1%

+/- YoY: ▲ 8.0%

Kết quả kinh doanh

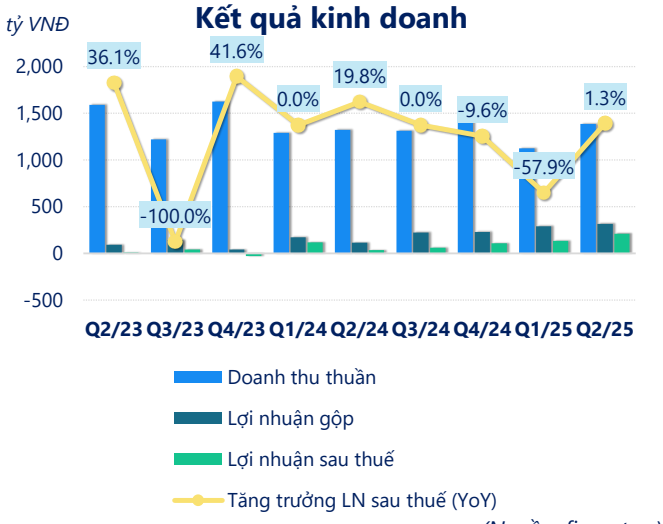

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

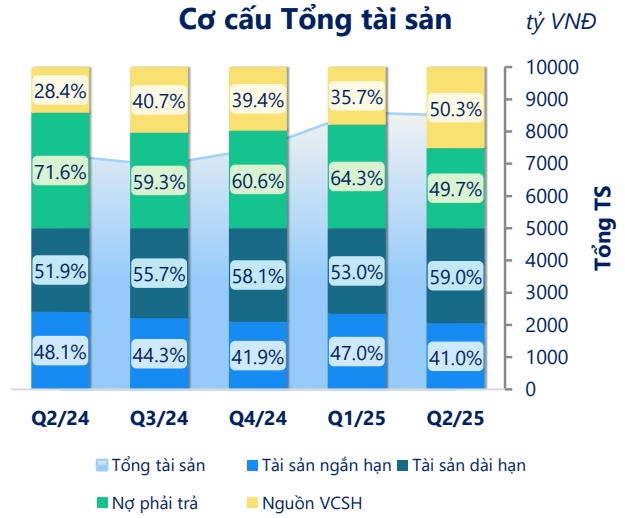

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

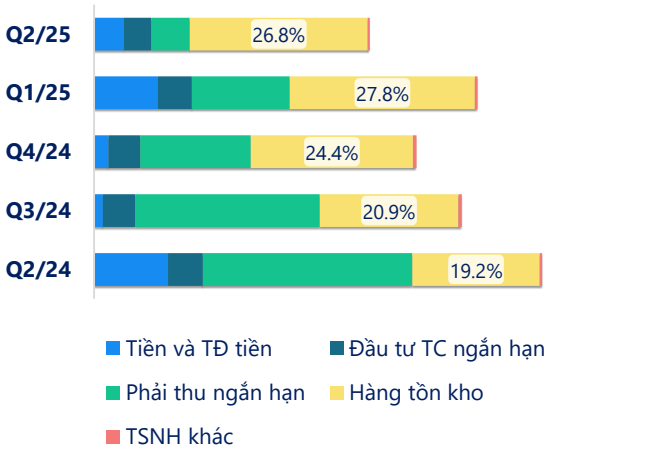

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

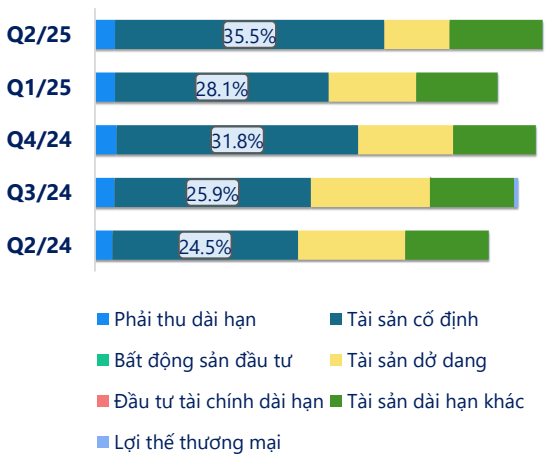

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

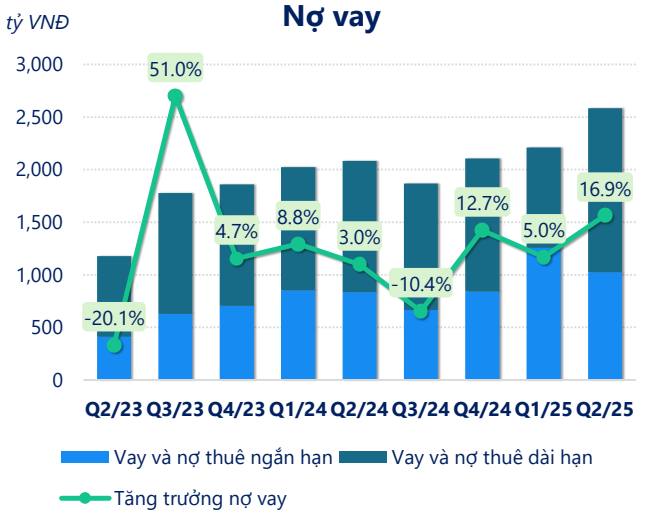

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

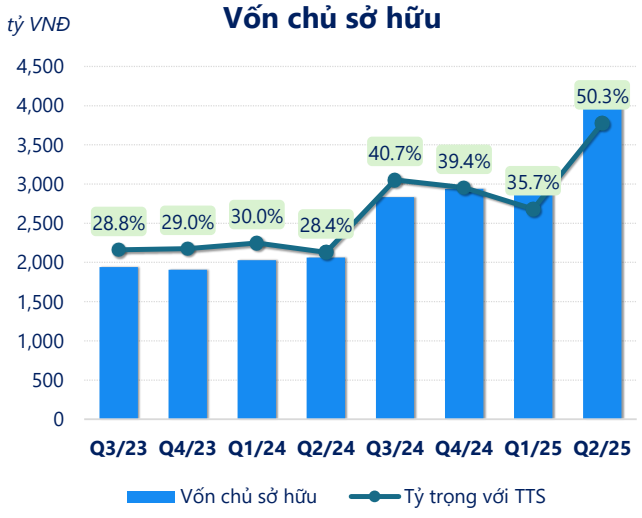

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

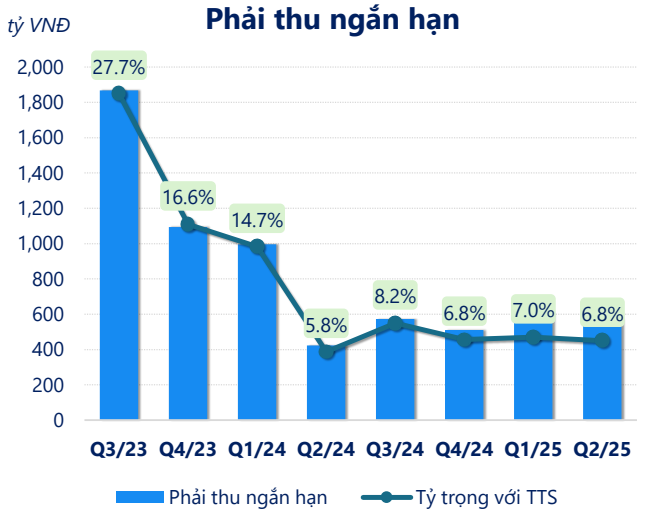

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

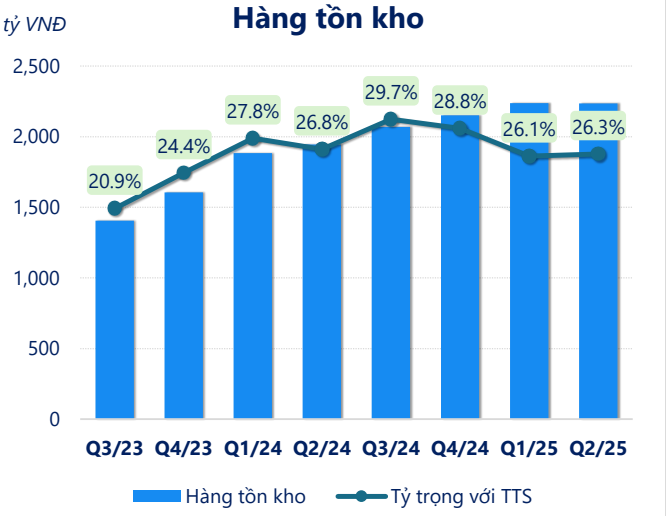

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

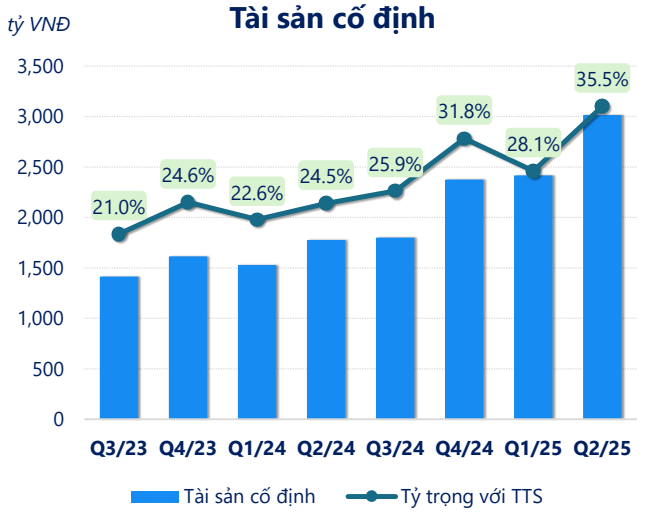

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

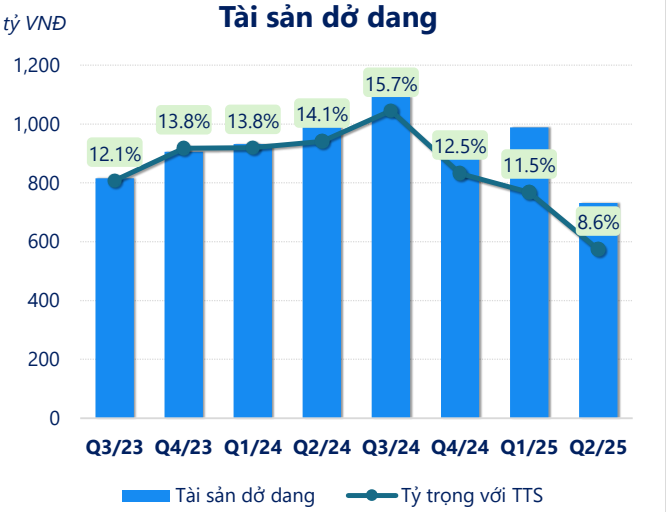

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

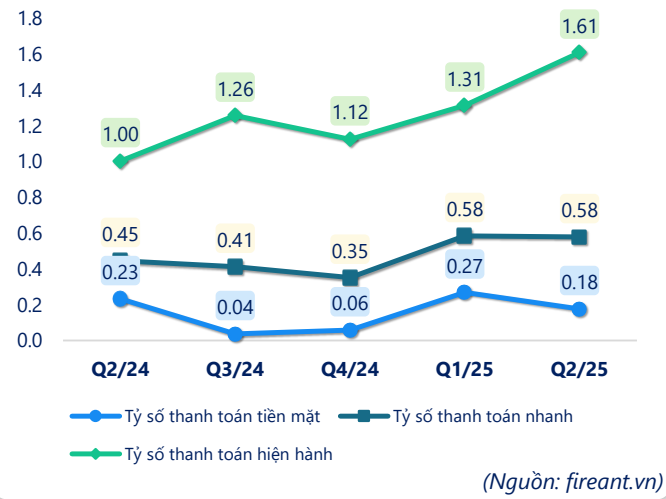

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

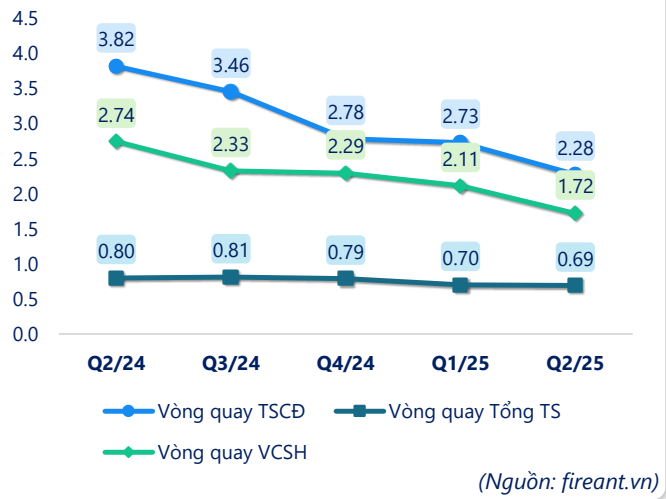

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**7,267**	**6,959**	**7,467**	**8,588**	**8,502**
Tài sản ngắn hạn	**3,497**	**3,080**	**3,130**	**4,033**	**3,489**
Tiền và tương đương tiền	810	90.3	161	825	383
Đầu tư tài chính ngắn hạn	298	323	268	316	246
Phải thu ngắn hạn	422	572	511	605	574
Hàng tồn kho	1,945	2,069	2,152	2,238	2,235
Tài sản ngắn hạn khác	22.8	25.5	38.6	48.7	51.6
Tài sản dài hạn	**3,770**	**3,879**	**4,336**	**4,556**	**5,012**
Phải thu dài hạn	166	178	213	228	224
Tài sản cố định	1,777	1,800	2,375	2,416	3,014
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,025	1,091	932	989	732
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.25	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	799	770	815	921	1,041
Lợi thế thương mại	2.35	39.0	2.16	2.06	1.97
Nợ phải trả	**5,204**	**4,125**	**4,526**	**5,519**	**4,222**
Nợ ngắn hạn	**3,486**	**2,450**	**2,783**	**3,069**	**2,168**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	836	666	842	1,256	1,025
Phải trả người bán ngắn hạn	1,735	1,498	1,802	1,564	988
Nợ dài hạn	1,718	1,675	1,743	2,450	2,054
Vay và nợ thuê dài hạn	1,247	1,201	1,262	954	1,559
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,063**	**2,834**	**2,940**	**3,069**	**4,280**
Vốn chủ sở hữu	**2,063**	**2,834**	**2,940**	**3,069**	**4,280**
Vốn điều lệ	1,679	2,390	2,390	2,390	3,040
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)